

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Phụng.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 715/2023/TLST-
HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023
và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2023, giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thùy L, sinh năm: 1982.

HKTT: Ấp 4, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Cư trú: 25/4B, ấp V, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trịnh Tiến D, sinh năm: 1983.

HKTT và cư trú: Ấp 4, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên
đơn chị Đào Thị Thùy L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và
đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Định Quán vào năm 2010.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm
sống, anh D không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D, thực tế vợ chồng đã sống riêng khoảng 07 tháng.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thùy D, sinh ngày 12/12/2009, cháu Trịnh Bảo A, sinh ngày 01/4/2015. Trường hợp ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai cháu, tạm thời không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc gia đình nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Anh Trịnh Tiến D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đào Thị Thùy L nộp đơn khởi **kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trịnh Tiến D, sinh năm: 1983, địa chỉ: Ấp 4, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai** nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị L nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, **anh D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã **L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **44 ngày 26/4/2010** nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh D, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2023. Đồng thời, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D để làm việc nhưng anh D vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh D không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh D với chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thùy D, sinh ngày 12/12/2009 và cháu Trịnh Bảo A, sinh ngày 01/4/2015. Trường hợp ly hôn chị L yêu cầu được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Xét thấy, chị L có công việc ổn định, chị nuôi dưỡng hai cháu từ nhỏ, các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nên giao hai cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo các cháu có cuộc sống ổn định, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3 - Tài sản chung: Chị L trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.4 - Về nợ chung: Chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thùy L về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với anh Trịnh Tiến D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thùy L được ly hôn với anh Trịnh Tiến D

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Thùy D, sinh ngày 12/12/2009 và

cháu Trịnh Bảo A, sinh ngày 01/4/2015 cho chị Đào Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Trịnh Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trịnh Tiến D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003222 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Đào Thị Thùy L đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đào Thị Thùy L, anh Trịnh Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã La Ngà,
huyện Định Quán;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương